

Dur luận xã hội về số con

MAI QUỲNH NAM

I

Mục tiêu quan trọng nhất của Cuộc vận động dân số và kế hoạch hóa gia đình là mỗi gia đình chỉ có từ 1 đến 2 con. Tính thẩm quyền (competence) của dur luận xã hội thể hiện hiệu lực của dur luận xã hội trong hoạt động quản lý các quá trình xã hội, vì vậy nhiệm vụ tìm hiểu dur luận xã hội của những người đang ở độ tuổi sinh đẻ về mục tiêu này là việc làm cần thiết, cho thấy mối liên hệ ngược để các cơ quan hoạch định Chính sách dân số biết được mức độ nhận thức và khả năng thực hiện mục tiêu mới gia đình chỉ có từ 1 đến 2 con của những người đang ở độ tuổi sinh đẻ. Kết quả của Chương trình nghiên cứu kiến thức, tâm thế và thực hành kế hoạch hóa gia đình (KAP) do Viện Xã hội học và Viện Khoa học thống kê thực hiện năm 1993, cho thấy có 72,2% số người được hỏi nói là họ muốn có từ 1 đến 2 con⁽¹⁾. Tỷ lệ này là sự phản ánh của dur luận xã hội về số con mong muốn ở những người được hỏi. Tại đây, các đặc điểm của dur luận xã hội được thể hiện rõ nét:

Thứ nhất. nó nói lên sự đánh giá xã hội đối với mục tiêu quan trọng nhất của Cuộc vận động dân số và kế hoạch hóa gia đình, khi vấn đề này đang trở thành mối quan tâm chung của toàn xã hội.

Thứ hai: nó phản ánh quyền lợi chung của toàn xã hội, của các nhóm, các thành viên trong xã hội, đặc biệt là quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Thứ ba: nó cho thấy tính không ổn định của dur luận xã hội về số con mong muốn.

Dur luận xã hội có cấu trúc nhiều chiều. Dựa vào tính chất này, người ta có thể dự báo được xu hướng vận động và phát triển của một vấn đề nào đó, khi vấn đề ấy được phản ánh trong dur luận xã hội. Dur luận xã hội về số con cũng cho thấy khả năng này.

II

Nhiệm vụ nghiên cứu cơ chế hình thành dur luận xã hội về số con của các cặp vợ chồng đang ở độ tuổi sinh đẻ dẫn đến việc phải tìm hiểu những ý kiến, những nhận định của họ về vấn đề này. Nếu "gia đình là tế bào xã hội" thì những ý kiến, những nhận định, của các cặp vợ chồng về số con của họ sẽ là "tế bào" của dur luận xã hội về số con của các cặp vợ chồng và về gia đình còn có vai trò là một thiết chế, nên việc tìm hiểu những ý kiến, những nhận định của các cặp vợ chồng về số con sẽ được xem xét trong một tương tác giữa thiết chế gia đình với các thiết chế xã hội khác.

Dur luận xã hội được hình thành qua các hoạt động giao tiếp. Năm 1948, Shan-non, cha đẻ của lý thuyết thông tin đã chỉ ra rằng: "Thông tin được truyền tải qua các kênh"⁽²⁾

⁽¹⁾ Những số liệu trong bài dẫn từ nguồn: Kết quả điều tra KAP – 1993, của Phòng Xã hội học Dân số và Gia đình – Viện xã hội học.

⁽²⁾ Shan-non: "Những tác phẩm về lý luận thông tin và điều khiển học" M.1963-tr.242. (Bản tiếng Nga).

và được nhân rộng bằng hoạt động giao tiếp.

Hoạt động giao tiếp tiếp của các cặp vợ chồng có vai trò quan trọng trong cơ chế hình thành dư luận xã hội về số con. Hoạt động giao tiếp thể hiện mối quan hệ giữa con người với nhau trong xã hội loài người (trong môi trường gia đình, cơ quan, xí nghiệp, trường học...). Giao tiếp là một hành động kép, ở đó luôn có sự đổi ngôi giữa chủ thể và khách thể. Hoạt động này giúp cho các cá nhân trong xã hội có những thông tin chung về cuộc sống xã hội trong đó con người trao đổi với nhau những ý kiến, những nhận định về các vấn đề xã hội cũng có nhu cầu quan tâm. Như vậy, Bằng hoạt động giao tiếp, điều được Hê-ghe-n xác định là cơ sở chủ yếu của sự hình thành dư luận xã hội-đó là thảo luận⁽³⁾ được thực hiện. Hê-ghe-n còn giải thích rằng: chính trong quá trình thảo luận cho thấy những cái chung có trong từng ý kiến riêng và nó làm tăng tỷ trọng các ý kiến đã được thảo luận.

Nhu cầu giao tiếp là nhu cầu tất yếu của con người. Thông qua hoạt động giao tiếp, mối liên kết xã hội được hình thành. Mối liên kết xã hội càng được củng cố thì dư luận xã hội càng trở nên chín chắn, các chức năng của dư luận xã hội càng có điều kiện phát huy tác dụng.

Hoạt động giao tiếp song phương, trực tiếp của các cặp vợ chồng có vị trí quan trọng nhất trong các loại hình giao tiếp về vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình. Hoạt động giao tiếp này giữ vai trò là "cái máy lọc" những thông tin mà người vợ và người chồng nhận được qua việc giao tiếp với các nhóm không chính thức, với các thiết chế xã hội, với các phương tiện truyền thông đại chúng. Sự phân loại và đánh giá các thông tin này là cơ sở trực tiếp, còn các hoạt động giao tiếp của các cặp vợ chồng với các nhóm không chính thức, các thiết chế xã hội, các phương tiện truyền thông đại chúng có vai trò là những tương tác trung gian, gián tiếp, để hình thành động cơ sinh con và chuẩn mực số con của họ.

Trả lời câu hỏi trong nửa năm qua, có bao giờ anh (chị) thảo luận vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình với bất kỳ ai không?" 85,3% số người được hỏi ở "nhóm chồng" và 85,1% số người được hỏi ở "nhóm vợ" - tỷ lệ chung cho cả hai khu vực nông thôn và thành thị, cho biết là họ có thảo luận vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình với vợ hoặc với chồng.

Cũng trong thời gian nửa năm, việc thảo luận vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình của những người được hỏi với các nhóm không chính thức, (thông qua các quan hệ bè bạn, hàng xóm...), có ở 28,1% trong tổng số người được hỏi. Tỷ lệ này giữ vị trí thứ hai trên bảng thống kê. Các hoạt động giao tiếp với "bố mẹ vợ" hoặc "bố mẹ chồng", với "bố đẻ" hoặc với mẹ đẻ", với "họ hàng" (là những người cùng giới hoặc khác giới, không có hoạt động nào đạt đến 10%.

Cũng trong thời gian nửa năm, hoạt động giao tiếp về vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình thông qua việc tiếp xúc với các thiết chế xã hội chỉ đạt đến mức 23,8% trong tổng số người được hỏi, mặc dù Hội phụ nữ, Trạm y tế, sau nữa là Đội tuyên truyền dân số và kế hoạch hóa gia đình được đánh giá là các tổ chức có uy tín để họ thừa luận các nội dung về dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Việc khảo sát các loại hình giao tiếp gián tiếp về vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình thông qua các phương tiện trung gian như hệ thống truyền thông đại chúng của các nhóm công chúng cho thấy nội dung dân số và kế hoạch hóa gia đình được phát trên sóng của đài phát thanh có tạo nên sự hứng thú cho 15,3% số người được hỏi. Số cử tọa tỏ ra hứng thú với đề tài này được phát trên màn hình chỉ đạt đến con số khiêm tốn: 10,4%. Vị

⁽³⁾ Hê-ghe-n: Triết học pháp quyền. M.1934-tập 7. tr.323. (Bản tiến Nga).

trí này xếp sau các mức độ hứng thú dành cho các chương trình: phụ nữ, kịch, cải lương, thời sự và âm nhạc. Nên lưu ý rằng, những cử tọa đưa ra sự lựa chọn trên đây cũng cho biết mức độ giao tiếp của họ với các chương trình phát thanh và truyền hình là đáng kể. 42,8% số người được hỏi nói là họ có nghe đài hàng ngày . Đối với số cử tọa của các chương trình truyền hình tỷ lệ trên còn cao hơn nữa.: 44,9%.

Việc phân tích cơ cấu các nhóm công-chúng theo độ tuổi cho thấy: 20,5% số nữ ở vào độ tuổi từ 20 đến 29-độ tuổi này của phụ nữ thường tương ứng với giai đoạn phát triển cơ bản nhất của các gia đình-cho biết, họ có hứng thú với nội dung dân số và kế hoạch hóa gia đình được phát trên sóng của đài phát thanh. Tỷ lệ này ở nhóm nữ cùng độ tuổi nói trên dành cho nội dung dân số và kế hoạch hóa gia đình được phát trên màn hình còn ở mức độ thấp hơn: 15,7%.

Gần đây, vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình đã được coi trọng và được tăng cường đầu tư hoạt động truyền thông về nội dung này đã có những cải tiến đáng kể, song ảnh hưởng của nó ở các mức độ như vậy đối với công chúng là đối tượng truyền thông chủ yếu của nội dung này rõ ràng là còn hạn hẹp. Đến nay, hệ thống phát hành và truyền thanh đã phủ sóng trên khoảng 55% lãnh thổ, hệ thống phát hình và truyền hình đã phủ sóng hầu như trên toàn lãnh thổ, song các phương tiện nghe nhìn phân bố không đều. Ở nông thôn chỉ có khoảng 19,9% số hộ có máy thu thanh, và 22,9% số hộ có máy thu hình, do đó nhiệm vụ tuyên truyền vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình đến từng gia đình, thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng là chưa thực hiện được.

Truyền thông và đur luận xã hội có mối quan hệ biện chứng. Quá trình giao tiếp thực chất là quá trình truyền thông. Sản phẩm của truyền thông là đur luận xã hội. Do đó, việc tìm hiểu người ta nói với nhau điều gì, thảo luận với nhau thông tin gì, thì sẽ biết đur luận đang hướng vào sự chú ý vào vấn đề nào? Vì vậy, cùng với việc nghiên cứu các loại hình giao tiếp, việc tìm hiểu các nội dung thông tin được chuyển tải trong hoạt động giao tiếp của các nhóm công chúng là một nhiệm vụ quan trọng để tìm hiểu con đường hình thành đur luận xã hội.

Với cách hiểu chung nhất, truyền thông được xác định là hoạt động chuyển tải và chia sẻ thông tin. Quá trình này diễn ra liên tục, trong đó tri thức, tình cảm, kỹ năng liên kết với nhau, đây là một quá trình phức tạp, qua nhiều mắt khâu: Các mắt khâu ấy chuyển đổi tương đối linh hoạt, để hướng tới sự thay đổi nhận thức và hành vi của các cá nhân và các nhóm. Quá trình đó dẫn đến việc hình thành một dạng "tính nhân quả của thông tin".

Thông tin đến với con người được chia thành ba loại: 1) Thông tin cần thiết, 2) Thông tin có thể cần thiết, 3) Thông tin không cần thiết. Việc phân loại như vậy để người ta xác định quan hệ đối với những thông tin mà họ tiếp nhận. Tương ứng với ba loại thông tin này là ba mức độ ứng xử: 1) Rất quan tâm, 2) Có quan tâm, 3) Không quan tâm.

Nhìn một cách bao quát, sự quan tâm của các cặp vợ chồng đối với các thông tin về dân số và kế hoạch hóa gia đình là tương đối toàn diện: những vấn đề chung về sinh đẻ, về hạn chế số con, về các biện pháp phòng và tránh thai, về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, đều được sự quan tâm của các nhóm với các mức độ khác nhau. Thông tin về hạn chế số con (56,2%) đứng hàng đầu, thông tin về các phương pháp phòng và tránh thai (53,1%) đứng hàng thứ hai trong các nội dung được nhắc đến. Điều này cho thấy mục tiêu quan trọng nhất mà Cuộc vận động dân số và kế hoạch hóa gia đình hướng tới là thực hiện quy mô gia đình nhỏ, chỉ có 1 hoặc 2 con và các biện pháp kế hoạch hóa gia đình để thực hiện mục tiêu đó đã tạo nên mối quan tâm tập trung nhất của các cặp vợ chồng.

Đur luận xã hội về số con không chỉ là sự phản ánh nguyện vọng sinh con của các gia

đình, nó là kết quả tổng hợp của việc đánh giá các điều kiện kinh tế - xã hội, các yếu tố tâm lý, các quan niệm truyền thống đối với việc sinh con và sau nữa là khả năng thực hiện hành vi dân số của các cặp vợ chồng.

Các chức năng của dư luận xã hội có ý nghĩa quan trọng và toàn diện trong việc định hướng số con. Hoạt động giáo dục ngoài diễn đàn và học đường của các thiết chế xã hội, nhưng có ưu thế là gần gũi và nhạy bén của dư luận xã hội để điều chỉnh nhận thức về số con hướng tới việc lựa chọn số con thấp, truyền bá và duy trì các khuôn mẫu, hành vi ứng xử cho phù hợp với sự lựa chọn đó. Chức năng kiểm soát của dư luận xã hội thể hiện ở chỗ, khi đặt vấn đề hạn chế số con, đòi hỏi các cặp vợ chồng phải tính đến những qui tắc chung của đời sống cộng đồng. Các thiết chế xã hội, tôn giáo, thân tộc đều có hoạt động kiểm soát đối với việc hạn chế số con. Đặc biệt là việc xử lý các hành vi dân số thường có sự va chạm với các qui tắc được ghi thành văn hoặc không ghi thành văn của các thiết chế nói trên. Ở đây, chức năng điều hòa các quan hệ xã hội của dư luận xã hội có vai trò rất quan trọng, nó làm giảm bớt những căng thẳng do các va chạm này gây ra. Vai trò điều hòa của dư luận xã hội trong việc định hướng số con làm cho cơ chế tự điều chỉnh của xã hội được phát triển và trở nên phong phú.

Cấu trúc nhiều chiều của dư luận xã hội bộc lộ khả năng dự đoán của nó. Trong dư luận xã hội bao giờ cũng phát hiện ra các thông tin về trạng thái tương lai của các vấn đề nằm trong mối quan tâm của toàn xã hội. Dự đoán không đạt được độ xác thực cao nếu không nghiên cứu các thông tin chứa trong dư luận xã hội về vấn đề đó.

Người ta có thể dự đoán mức sinh bằng cách phân tích các thông tin xã hội thu được trong việc nghiên cứu dư luận xã hội về số con. Ở đây, vấn đề này được xem xét trên ba nhóm chỉ báo như sau:

1) *Nhóm chỉ báo về mức sinh*: việc tìm hiểu nhận thức về số con cho thấy: số người muốn có từ 1 đến 2 con là 72,2% trong tổng số người được hỏi. Vẫn có 15,8% số người được hỏi cho biết họ muốn có 3 con. Số người muốn có 4 con chiếm 10%. Như vậy là trong nhận thức về số con của các cặp vợ chồng còn một khoảng cách đáng kể so với mục tiêu về số con được cuộc vận động dân số và kế hoạch hóa gia đình đề ra. Cần lưu ý rằng trong tỷ lệ 72,2% số người được hỏi cho biết là họ muốn có từ 1 đến 2 con, thì số người muốn có 2 con giữ tỷ lệ áp đảo: 67,1%. Việc phân tích các dữ kiện thuộc nhóm chỉ báo về thức sinh đòi hỏi phải tính đến vị thế đứa con trai trong động cơ sinh con của các cặp vợ chồng. Đến nay, vị thế đứa con trai vẫn được xem là một biến số độc lập. Con số thống kê cho biết 62,4% ở "nhóm nam và 64%. Ở "nhóm nữ" nói là họ muốn có 1 đứa con trai trong số con họ mong muốn. Khi người ta chưa làm chủ được việc sinh con theo ý muốn thì việc đẻ cho đến lúc có con trai sẽ là một tác nhân mạnh mẽ phá vỡ mục tiêu mỗi gia đình chỉ có từ 1 đến 2 con. Như vậy mức độ phù hợp giữa mục tiêu có từ 1 đến 2 con với số con trong thực tế của các gia đình sẽ còn thu hẹp hơn nữa.

2) *Nhóm chỉ báo về phương pháp hạn chế các mức sinh*: việc nghiên cứu cho thấy khả năng thực hiện hành vi dân số để hạn chế mức sinh của các cặp vợ chồng còn gặp nhiều trở ngại. Một trong những trở ngại căn bản là do sự thiếu hụt về kiến thức. Sự đơn điệu trong việc sử dụng các biện pháp phòng tránh thai, một phần cũng do nguyên nhân này. 38,4% số người được hỏi nói là họ muốn biết thêm về cách sử dụng các biện pháp phòng, tránh thai. Yêu cầu đa dạng hóa các biện pháp phòng, tránh thai đang là một vấn đề cần được tăng cường, để tạo nên khả năng chủ động cho các cặp vợ chồng trong việc xử lý hành vi dân số của họ. Đặt vòng là phương pháp phòng, tránh thai chủ yếu và có ở 43,1% số nữ đang trong độ tuổi sinh đẻ. Phương pháp tính lịch nữ vị trí thứ hai chỉ đạt đến mức 13,4%

Yếu tố trình độ học vấn tỏ rõ tình thế trong việc đa dạng hóa các biện pháp phòng, tránh thai: 37,7% số người được hỏi ở nhóm nữ có trình độ đại học và cao đẳng cho biết họ có áp dụng phương pháp tính lịch. Tỷ lệ này ở nhóm nữ mù chữ khi được hỏi" rất thấp: 2,8%. Nhìn rộng hơn, sự thiếu hụt những kiến thức chung về vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình cũng đặt ra yêu cầu muốn biết thêm ở 29,5% số người được hỏi. Nhu cầu muốn biết thêm kiến thức và chăm sóc bà mẹ và trẻ em" có đặt ra ở 26,6% số người được hỏi. Việc đảm bảo sức khỏe cho trẻ em, đặc biệt cho trẻ sơ sinh là một nguyên nhân quan trọng, làm hạn chế việc tái sinh sản của các cặp vợ chồng để rút ngắn thời khoảng phát triển của các gia đình.

3) *Nhóm chỉ báo về truyền thống dân số.* việc tìm hiểu vai trò của nguồn tin trong hoạt động truyền thông tin dân số và kế hoạch hóa gia đình cho thấy: hoạt động giao tiếp với các chương trình phát thanh và vô tuyến truyền hình được xếp ở vị trí từng kẻ: (49,1%) trong tổng số người được hỏi. Tỷ lệ này ở "nhóm vợ" và "nhóm chồng" tại các thành thị cao cao hơn nữa, con số tương ứng theo thứ tự là 58,35% và 62.6%. Trong khi đó, hoạt động giao tiếp trực tiếp về nội dung này với các bác sĩ ở Trạm y tế, với các Tổ chức kế hoạch hóa gia đình thì không có quan hệ giao tiếp nào đạt đến 5% (tỷ lệ giao động từ 4,2 đến 4,8%).

Sự khác biệt rất đáng kể trong các kênh giao tiếp như vậy dẫn đến kết quả là khách thể truyền thông có thể hiểu, nhưng hiện không thấu đáo nội dung họ cần phải nắm vững, nên chưa trở thành kỹ năng, do vậy khả năng chuyển từ nhận thức về vấn đề dân số đến việc thực hiện hành vi dân số sẽ rất khó khăn.

Lý thuyết truyền thông chỉ rõ ràng hoạt động giao tiếp giữa chủ thể và khách thể truyền thông được thực hiện qua sự trao đổi trực tiếp từ hai phía sẽ tạo nên sự cởi mở. Đối với thông tin, các sai sót trong hoạt động truyền thông sẽ được giải đáp kịp thời. Hoạt động giao tiếp trực tiếp không chỉ được thực hiện bằng hai giác quan nghe và nhìn, mà khách thể truyền thông còn có điều kiện xử dụng tổng hợp các công cụ nhận thức của họ. Kinh nghiệm ở Ấn Độ và ở In-đô-nê-xi-a cho biết: hoạt động truyền thông trực tiếp, bao gồm truyền thông lý thuyết, với sự hỗ trợ của các phương tiện nghe nhìn, có hướng dẫn thực hành, những vướng mắc của cử tọa được giải kịp thời, diễn ra ở tần số cao và giảm dần theo chiều đi xuống của đồ thị độ tuổi sinh đẻ, do các đội tuyển truyền dân số và dịch vụ y tế tiến hành, được đánh giá là có hiệu quả nhất. Tại các vùng nông thôn và miền núi phương thức truyền thông này càng tỏ rõ ưu thế. Nhờ đó, khách thể truyền thông không chỉ được giáo dục về nhận thức, mà họ còn được hướng dẫn để trở nên thành thạo trong việc xử lý hành vi dân số.

III

Về tình hình dân số thế giới, nữ nghệ sĩ nổi tiếng người Mĩ Jên Phôn-Da sứ gia thiện chí của Quỹ hoạt động dân số thế giới nhận xét: "Thập kỷ này là hạn định cuối cùng cho sự ổn định dân số thế giới"¹. Ở đây, một lần nữa, ý nghĩa cấp bách của vấn đề này lại được khẳng định: "Mọi cố gắng của chúng ta là làm sao để tất cả các nước phát triển định giá mọi nguồn lực dự trữ, để so sánh nó với sự gia tăng dân số... Và chúng ta cũng biết rằng, chúng ta đang xuống dốc từng giờ về sự trong sạch của môi trường thiên nhiên, ô nhiễm nước, và các chất thải đã được tích tụ lại hàng trăm năm"⁽²⁾

Dự báo ở tầm vĩ mô này đòi hỏi phải tính đến nhà nông ổn định dân số ở các khu vực,

^{1, 2} Jên Phôn-Da với dân số - Dân số và gia đình. N⁰ -11 (4)1993. tr.25

ở các quốc gia, trong thập kỷ cuối cùng của thế kỷ này.

Đối với Việt Nam, thông điệp của Jên-Phôn-Da có ý nghĩa như một hồi chuông cảnh tỉnh. Chúng ta đã đi hết gần nửa thời gian của thập kỷ, song những thông tin về các mặt của dư luận xã hội, nhất là những thông tin từ các nhóm chỉ báo cơ bản về khả năng hạn chế mức sinh vẫn chưa hội đủ các điều kiện phải có để ổn định tình hình dân số đất nước. Nổi theo cách của F. Ăng ghen là việc này chưa có "sự chuẩn bị của dư luận xã hội". Tình trạng đó cho thấy dư luận xã hội về số con mong muốn chưa phải là dư luận xã hội chín chắn, nó chỉ mới thể hiện ở mức độ "lời nói", tức là trên bình diện ý thức, nó chưa có điều kiện để thể hiện đầy đủ ở mức độ "việc làm".

Để đi đến mục tiêu mỗi gia đình chỉ có từ 1 đến 2 con, hoạt động quản lý dân số và kế hoạch hóa gia đình không thể trông chờ ở những thay đổi căn bản trong tổng thể kinh tế xã hội, trong hệ thống giá trị, đặc biệt là trông chờ vào sự thay đổi mô hình văn hóa-một nhân tố bền vững để hạ thấp mức sinh, mà cần phát huy tinh thần tích cực của hoạt động quản lý, làm cho dư luận xã hội vô số con phù hợp với mục tiêu đã được. Cuộc vận động dân số và kế hoạch hóa gia đình đề ra trở nên chín chắn. Cần có sự bổ sung kịp thời cho các "thiếu hụt" của chính sách dân số và của việc thực hiện chính sách này, trong đó có các "thiếu hụt" cơ bản đã nói trên đây. Cách ấy, sẽ nhân rộng số gia đình muốn có từ 1 đến 2 con và rút ngắn khoảng cách giữa số con mong muốn và số con thực tế.

Ở ta, việc ấy không thể hoàn tất trong khoảng năm năm còn lại của thập kỷ này. Điều đó cũng cho thấy, sự gia tăng các gia đình hạt nhân bởi các sức ép ngoại lai, theo kiểu "tách hộ" chưa phải là dấu hiệu lạc quan trên tiến trình dân số.